



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 1/16

1. Những người có liên quan phải đọc, hiểu và thực hiện theo đúng nội dung của quy định này.
2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực như sự chỉ đạo của Ban Lãnh đạo.
3. Mỗi bộ phận chỉ được phân phối duy nhất 01 bản (có đóng dấu kiểm soát), các bản sao có mã số khác với bản này phải được loại bỏ ngay, tuyệt đối không được sử dụng.

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

TT	NOI NHẬN	TT	NOI NHẬN
☐	Chi cục trưởng	☐	Trạm KDĐV Cảng Biển
☐	Phó Chi cục trưởng	☐	Trạm KDĐV Sân bay Tân Sơn Nhất
☐	P. Tổng hợp	☐	Trạm KDĐV Sân bay Long Thành
☐	P. Chăn nuôi và Thú y	☐	Trạm KDĐV Mộc Bài và Bình Hiệp

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Nội dung và hạng mục sửa đổi
01	27/10/2025	Bổ sung Mục “6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN” Điều chỉnh Mục “6. HỒ SƠ LƯU” thành Mục “7. HỒ SƠ LƯU”
02	15/4/2026	Cập nhật mới nội dung quy trình theo các quy định mới hiện hành.

	Soạn thảo/ sửa đổi	Xem xét	Phê duyệt
Chức vụ	Kiểm dịch viên	Phó Chi cục trưởng	Chi cục trưởng
Chữ ký			
Họ và tên	Nguyễn Hoàng Tân	Trần Đức Trung	Phạm Trung Kiên



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 2/16

1. MỤC ĐÍCH:

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục thực hiện kiểm dịch đối với sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Áp dụng đối với:

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm động vật trên cạn qua các cửa khẩu trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.
- Các đơn vị trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI có trách nhiệm thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật Thú y năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi;

Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 3/16

Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường và Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu Công nghiệp, Tiêu chuẩn; Đo lường và Chất lượng sản phẩm, Hàng hóa; hoạt động Khoa học và Công nghệ, chuyển giao công nghệ, Năng lượng nguyên tử;

Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Thông tư số 01/2026/TT-BNNPTNT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

Thông tư số 05/2019/TT-BKHCN ngày 26/6/2019 của Bộ Khoa học Công nghệ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y;

Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NHẬP KHẨU	Mã số: V601-04
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 4/16

Quyết định số 106/QĐ-BNNMT ngày 13/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Quyết định số 1300/QĐ-BNNMT ngày 07/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI trực thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y.

4. ĐỊNH NGHĨA (Các thuật ngữ, từ viết tắt có trong quy trình)

Trong quy trình này, các từ viết tắt được hiểu như sau:

TT01: Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

HS: Hồ sơ

GCNKD: Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Đơn vị kiểm dịch động vật: Trong quy trình này là các phòng/trạm trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI thực hiện công tác kiểm dịch xuất, nhập khẩu.

KDVĐV: Người làm công tác kiểm dịch được Lãnh đạo Chi cục, Lãnh đạo các đơn vị kiểm dịch phân công.

Chủ hàng: Tổ chức, cá nhân làm thủ tục khai báo kiểm dịch.



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 5/16

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

5.1. Lưu đồ

TT	Trách nhiệm	Nội dung kiểm dịch	Thời gian giải quyết	Mô tả/ biểu mẫu
1	KDVĐV (Tại bộ phận một cửa)	Tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch	Trong thời gian 01 ngày làm việc	Xem 5.2.1
2	KDVĐV	Lô hàng lấy mẫu kiểm dịch Lấy mẫu kiểm dịch Đạt yêu cầu Dự thảo giấy chứng nhận kiểm dịch Lô hàng không lấy mẫu kiểm dịch Có kiểm tra thực trạng hàng hóa Không kiểm tra thực trạng hàng hóa Không đạt yêu cầu Các bước xử lý lô hàng theo quy định	Từ 01 đến 05 ngày làm việc	Xem 5.2.2 đến 5.2.5
3	KDVĐV	Phê duyệt của Lãnh đạo Chi cục Lưu hồ sơ		



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 6/16

5.2. Diễn giải lưu đồ

5.2.1. Tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch (điểm 3a, khoản 4, Điều 1, TT35)

- SPĐV có trong Danh mục SPĐV trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch trước khi nhập khẩu phải được kiểm dịch (khoản 2, 3 Điều 44 Luật Thú y); Mục số 1 Phụ lục I của Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn phải nộp hồ sơ khai báo kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch SPĐV đầy đủ, hợp lệ, đơn vị kiểm dịch động vật xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 Phụ lục V TT01 và thông báo cho chủ hàng về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch.

5.2.1.1. Hình thức nộp hồ sơ: Qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính.

5.2.1.2. Thành phần hồ sơ khai báo kiểm dịch:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật Thú y gồm có:

- a) Đơn khai báo kiểm dịch (Mẫu số 3 theo Phụ lục V TT01);
- b) Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch nhập khẩu của Cục Chăn nuôi và Thú y;
- c) Bản chụp GCNKD của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với trường hợp lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ) hoặc bản gốc GCNKD của nước xuất khẩu.
- d) Những giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng GCNKD điện tử.

Trường hợp hồ sơ khai báo kiểm dịch không hợp lệ thì đơn vị kiểm dịch được phân công phải trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

5.2.2. Nội dung kiểm dịch (khoản 3 Điều 12 TT01)



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 7/16

- Tại địa điểm kiểm dịch, kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch: điều kiện bảo quản, quy cách bao gói, ngoại quan của sản phẩm, chủng loại, nhãn sản phẩm, thông tin chi tiết của lô hàng phải phù hợp với hồ sơ; nếu đạt yêu cầu thì thực hiện lấy mẫu xét nghiệm theo quy định tại Phụ lục XII TT01;

- Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;

5.2.2.1. Lô hàng lấy mẫu để kiểm dịch

1. Sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm

a) Đối với nhóm sản phẩm động vật có nguy cơ cao:

- Lấy mẫu từng lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm các chỉ tiêu tác nhân gây bệnh theo quy định tại điểm a khoản 1, phần II Phụ lục XII.

- Riêng đối với chỉ tiêu *Salmonella* spp, *E.coli* (chủng O157:H7) thực hiện lấy mẫu theo tần suất như sau: Lấy mẫu của 03 lô hàng đầu tiên để kiểm tra, xét nghiệm. Nếu kết quả của cả 03 lô hàng đạt yêu cầu, thì cứ 03 lô hàng tiếp theo lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm. Trường hợp phát hiện lô hàng không đạt yêu cầu thì lấy mẫu 03 lô hàng tiếp theo để kiểm tra, xét nghiệm.

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra thực trạng hàng hóa, lấy mẫu tại cửa khẩu, cấp Giấy chứng nhận vận chuyển (Mẫu 14b) để chủ hàng vận chuyển hàng về kho bảo quản theo đề nghị của chủ hàng.

- Trường hợp hàng hóa là sản phẩm động vật không thể lấy mẫu tại cửa khẩu, Cơ quan kiểm dịch cửa khẩu thực hiện kiểm tra thực trạng hàng hóa, lấy mẫu tại kho bảo quản sản phẩm động vật theo đề nghị của chủ hàng.

- Chủ hàng chịu trách nhiệm về việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa trong khi chờ thực hiện kiểm dịch.

- Riêng đối với sản phẩm động vật đông lạnh phải được lưu giữ tại khu vực cửa khẩu đến khi có kết quả kiểm dịch đạt yêu cầu.

b) Sản phẩm động vật thuộc nhóm nguy cơ thấp:

Lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm các chỉ tiêu tác nhân gây bệnh theo quy định tại điểm a khoản 1, phần II Phụ lục XII theo tần suất như sau:

- Cứ 05 lô hàng kiểm tra thực trạng hàng hóa và lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm; nếu phát hiện 01 lần vi phạm thì lấy mẫu liên tiếp 03 lô hàng để



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 8/16

kiểm tra, xét nghiệm; nếu kết quả kiểm tra 03 lần liên tiếp đạt yêu cầu thì áp dụng tần suất 05 lô hàng sẽ lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm.

- Việc kiểm tra thực trạng hàng hóa, lấy mẫu kiểm dịch được thực hiện tại cửa khẩu hoặc kho hàng của chủ hàng đáp ứng được yêu cầu (nếu có đề nghị của chủ hàng); chủ hàng phải chịu trách nhiệm vận chuyển, bảo quản hàng hóa trong khi chờ thực hiện kiểm dịch.

2. Sản phẩm động vật dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc động vật trên cạn nhập khẩu

a) Các tác nhân gây bệnh phải xét nghiệm:

STT	Loại sản phẩm	Kiểm tra tác nhân gây bệnh
1.	Sản phẩm có nguồn gốc từ loài nhai lại	Lở mồm long móng
2.	Sản phẩm có nguồn gốc từ lợn	Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi
3.	Sản phẩm có nguồn gốc từ gia cầm	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xon

b) Lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh

b1) Đối với thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung, thức ăn thủy sản thành phẩm lấy mẫu theo tần suất như sau:

Cứ 05 lô hàng lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra tác nhân gây bệnh quy định tại điểm a khoản này. Nếu phát hiện 01 lần vi phạm thì lấy mẫu liên tiếp 03 lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm; nếu kết quả kiểm tra 03 lần liên tiếp đạt yêu cầu thì áp dụng tần suất 05 lô hàng sẽ lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm.

b2) Đối với nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản: lấy mẫu từng lô hàng kiểm tra tác nhân gây bệnh quy định tại điểm a khoản này.

b3) Đối với thức ăn, nguyên liệu quy định tại điểm b1 và điểm b2 khoản này có nhiều thành phần từ sản phẩm của các loài động vật khác nhau, lấy mẫu kiểm tra không quá 02 chỉ tiêu tác nhân gây bệnh tương ứng theo quy định tại điểm a khoản này.

Việc lấy mẫu, xét nghiệm tác nhân gây bệnh được áp dụng theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định quốc tế.

c) Lấy mẫu kiểm tra tạp nhiễm ADN loài nhai lại đối với bột đậm động vật trên cạn, thủy sản để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản:

c1) Đối với sản phẩm xuất phát từ các quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) công nhận có nguy cơ không đáng kể với bệnh Bò điên theo Nghị quyết của WOAH: cứ 05 lô hàng lấy mẫu ngẫu nhiên của 01 lô hàng để kiểm tra. Nếu phát



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 9/16

hiện 01 lần vi phạm thì lấy mẫu liên tiếp 03 lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm; nếu kết quả kiểm tra 03 lần liên tiếp đạt yêu cầu thì áp dụng tần suất 05 lô hàng sẽ lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm.

c2) Đối với sản phẩm xuất phát từ các quốc gia, vùng lãnh thổ không thuộc trường hợp quy định tại điểm c1: cứ 03 lô hàng lấy mẫu ngẫu nhiên của 01 lô hàng để kiểm tra. Nếu phát hiện 01 lần vi phạm thì lấy mẫu liên tiếp 03 lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm; nếu kết quả kiểm tra 03 lần liên tiếp đạt yêu cầu thì áp dụng tần suất 03 lô hàng sẽ lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm;

d) Đối với lô hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải kiểm tra ADN loài nhai lại phải được lưu giữ tại khu vực cửa khẩu đến khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu;

đ) Đối với sản phẩm động vật không phải kiểm tra ADN loài nhai lại, trường hợp chủ hàng có đề nghị đưa hàng về kho bảo quản (kho bảo quản của chủ hàng phải bảo đảm điều kiện bảo quản hàng hóa), Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu tại cửa khẩu, kiểm tra thực trạng hàng hóa, cấp Giấy chứng nhận vận chuyển (mẫu 14b) để chủ hàng vận chuyển hàng về kho hoặc việc lấy mẫu có thể thực hiện tại kho bảo quản; chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa và không được đưa hàng đi tiêu thụ khi lô hàng chưa có kết quả kiểm dịch đạt yêu cầu.

5.2.2.2. Lô hàng không lấy mẫu để kiểm dịch

a) Sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm

Không lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh đối với sản phẩm động vật thuộc nhóm nguy cơ cao, nguy cơ thấp xuất phát từ quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Tổ chức Thú y thế giới (WOAH) công nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh theo quy định tại điểm a khoản 1, phần II Phụ lục XII.

b) Sản phẩm động vật không dùng làm thực phẩm

- Không lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh đối với sản phẩm động vật được quy định tại điểm b1 và điểm b2 của điểm b khoản 2 xuất phát từ quốc gia, vùng lãnh thổ đã được Tổ chức Thú y thế giới (WOAH) công nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh theo quy định tại điểm a khoản 2.

- Đối với lô hàng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung, thức ăn thủy sản thành phẩm không phải lấy mẫu kiểm tra, trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, đơn vị kiểm dịch động vật cửa khẩu chỉ kiểm tra hồ sơ, nếu



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 10/16

đạt yêu cầu thì cấp GCNKD nhập khẩu (Mẫu 15b Phụ lục V TT01). Chủ hàng phải chịu trách nhiệm đối với hàng hóa nhập khẩu.

- Đối với lô hàng nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản không phải lấy mẫu xét nghiệm, trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, đơn vị kiểm dịch động vật cửa khẩu: **Kiểm tra hồ sơ và thực trạng hàng hóa;**

5.2.2.3. Lô hàng sản phẩm động vật nhập khẩu với mục đích làm hàng mẫu, có trọng lượng dưới 50 kg được miễn GCNKD của nước xuất khẩu và miễn lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm;

5.2.2.4. Việc lấy mẫu theo tần suất được áp dụng trên tổng số lô hàng nhập khẩu tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 trong cùng 01 năm.

3. Đối với sản phẩm động vật xuất khẩu bị triệu hồi hoặc bị trả về

a) Công văn hướng dẫn nhập khẩu của Cục Chăn nuôi và Thú y;

b) Khai báo kiểm dịch

- Chủ hàng phải xuất trình các giấy tờ liên quan đến lô hàng khi xuất khẩu: GCNKD xuất khẩu (nếu có);

- Bản chụp có xác nhận của chủ hàng các giấy tờ sau: tờ khai hải quan và bảng kê danh mục hàng hóa, thông báo lô hàng bị triệu hồi của chủ hàng (đối với hàng hóa bị triệu hồi), văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của đơn vị vận tải thông báo không có người nhận hàng;

- Không cần cung cấp GCNKD của Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất trả hàng.

4. Kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ và xuất bán cho doanh nghiệp chế xuất.

- Sản phẩm động vật đã hoàn thành thủ tục kiểm dịch nhập khẩu, chưa được chế biến hoặc đóng gói lại khi thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ không phải thực hiện kiểm dịch.

- Sản phẩm động vật có nguồn gốc trong nước, được xuất bán cho doanh nghiệp chế xuất chỉ phải thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định.

5. Kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu mang theo người

Kiểm dịch đối với sản phẩm động vật mang theo người không thuộc quy định tại khoản 3 mục II Phụ lục II (trọng lượng không quá 05 kg đã qua chế biến, bao gói sẵn để

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NHẬP KHẨU	Mã số: V601-04
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 11/16

tiêu dùng cá nhân và không thuộc Danh mục sản phẩm động vật cấm xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định).

- Công văn hướng dẫn nhập khẩu của Cục Chăn nuôi và Thú y;
- Khai báo kiểm dịch: Như sản phẩm động vật nhập khẩu tiêu thụ nội địa;
- a) Không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.
- b) Lấy mẫu xét nghiệm: Thực hiện như sản phẩm động vật nhập khẩu tiêu thụ nội địa.
- c) Đơn vị kiểm dịch động vật cửa khẩu lập biên bản và tiêu hủy ngay tại khu vực gần cửa khẩu đối với sản phẩm động vật không đáp ứng yêu cầu kiểm dịch; lập biên bản tạm giữ hàng và xử lý theo quy định đối với trường hợp GCNKD của nước xuất khẩu không hợp lệ.
- d). Không mang theo người sản phẩm có nguồn gốc động vật ở dạng tươi sống, sơ chế.

6. Kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu làm nguyên liệu để gia công, chế biến hàng xuất khẩu

- a) Thành phần hồ sơ; khai báo kiểm dịch: Thực hiện như sản phẩm động vật nhập khẩu tiêu thụ nội địa.
- b) Nội dung kiểm dịch
 - Kiểm thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, nếu đạt yêu cầu thì thực hiện theo quy định tại Phụ lục XII;
 - Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;
 - Trường hợp lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu tác nhân gây bệnh như sau:
 - + Đối với thịt gà, thịt vịt, thịt ngan, thịt ngỗng và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà, vịt, ngan, ngỗng: kiểm tra tác nhân gây bệnh Cúm gia cầm thể độc lực cao; Niu-cát-xon.
 - + Đối với thịt lợn và sản phẩm ăn được sau giết mổ của lợn: kiểm tra tác nhân gây bệnh: Lở mồm long móng; Dịch tả lợn châu Phi.
 - + Đối với thịt trâu, bò, dê, cừu và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của trâu, bò, dê, cừu: kiểm tra tác nhân gây bệnh Sảy thai truyền nhiễm; Lở mồm long móng.



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 12/16

c) Tần suất lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu tác nhân gây bệnh như sau: Cứ 06 lô hàng thì lấy 03 mẫu của 01 lô hàng để kiểm tra.

d) Trường hợp các lô hàng thuộc diện chỉ kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, nội dung Giấy chứng nhận kiểm dịch, thực trạng hàng hóa: Nếu kiểm tra thực trạng hàng hóa phát hiện không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y thì lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y.

đ) Xử lý kết quả kiểm tra: Được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

e) Việc lấy mẫu theo tần suất được áp dụng trên tổng số lô hàng nhập khẩu tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 trong cùng 01 (một) năm.

7. Nguyên tắc lấy mẫu và gộp mẫu kiểm tra, xét nghiệm

a) Mẫu xét nghiệm các tác nhân gây bệnh phải được xét nghiệm tại phòng thử nghiệm thuộc hoặc trực thuộc cơ quan chăn nuôi và thú y, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp (lĩnh vực thử nghiệm liên quan đến các chỉ tiêu xét nghiệm bệnh động vật).

b) Các tác nhân gây bệnh đối với động vật nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 mục I Phụ lục này: gộp 05 mẫu đơn thành 01 mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh.

c) Đối với sản phẩm động vật nhập khẩu theo quy định tại mục II Phụ lục XII:

- Lô hàng có 01 đến 02 mặt hàng: lấy mẫu tất cả các mặt hàng; mỗi mặt hàng lấy 05 mẫu đơn và gộp thành 01 mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh;

- Lô hàng có từ 03 mặt hàng trở lên: lấy mẫu 03 mặt hàng có số lượng/ khối lượng lớn nhất; mỗi mặt hàng lấy 05 mẫu đơn và gộp thành 01 mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh.

d) Nguyên tắc gộp mẫu xét nghiệm: chỉ gộp mẫu đơn cùng chủng loại, cùng loài động vật, cùng lô hàng, cùng quốc gia, vùng lãnh thổ.

đ) Trường hợp không thể gộp mẫu để xét nghiệm theo mẫu gộp, xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo mẫu đơn.

e) Khi phát hiện lô hàng sản phẩm động vật nhập khẩu không đạt yêu cầu về cảm quan, lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu lý hóa, vi sinh vật gây hại, tác nhân gây bệnh theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng của Việt Nam, quy định quốc tế.

5.2.3. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu – xử lý lô hàng

a) Đối với lô hàng không lấy mẫu kiểm dịch (cảm quan hoặc chỉ kiểm tra hồ sơ): trong thời gian 01 ngày làm việc, sau khi tiến hành kiểm dịch



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 13/16

- Lập Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 7 phụ lục V TT01) trong trường hợp kiểm tra cảm quan.

- Kết quả kiểm tra đạt yêu cầu kiểm dịch, KDVDV dự thảo về nội dung của GCNKD theo mẫu 15b Phụ lục V TT01 trình Lãnh đạo đơn vị xem xét trước khi trình Lãnh đạo Chi cục hoặc Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt và phát hành cho chủ hàng. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm đối với hàng hóa nhập khẩu.

b) Đối với lô hàng lấy mẫu kiểm dịch: trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi thực hiện lấy mẫu kiểm dịch.

- Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: tình trạng bao gói, bảo quản sản phẩm đạt yêu cầu; sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng của sản phẩm; kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu;

- Lập Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm đối với lô hàng lấy mẫu (Mẫu 6, Phụ lục V TT01);

- Sau khi lấy mẫu, KDVDV mã hóa, lập phiếu yêu cầu xét nghiệm và gửi mẫu đến đơn vị xét nghiệm đủ điều kiện theo quy định hiện hành. Thời gian lấy mẫu và chuyển mẫu theo quy định.

- Kết quả kiểm tra đạt yêu cầu kiểm dịch, KDVDV dự thảo về nội dung của GCNKD theo mẫu 15b Phụ lục V TT01 trình Lãnh đạo đơn vị xem xét trước khi trình Lãnh đạo Chi cục hoặc Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt và phát hành cho chủ hàng.

Trường hợp lô hàng chưa đạt yêu cầu lấy mẫu kiểm dịch, KDVDV lập Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 7 phụ lục V TT01).

c) Hình thức cấp GCNKD: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng.

d) Trường hợp không cấp GCNKD, đơn vị kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

đ) Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu là 60 ngày.

e) Xử lý lô hàng



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 14/16

Nếu lô hàng không đạt yêu cầu, đơn vị kiểm dịch động vật thực hiện các bước xử lý lô hàng theo quy định.

f) Thu phí và lệ phí kiểm dịch

Đơn vị kiểm dịch động vật thực hiện thu phí và lệ phí kiểm dịch theo quy định.

5.2.4. Trường hợp sau khi đơn vị kiểm dịch đã cấp GCNKD theo quy định, chủ hàng yêu cầu cấp GCNKD thay đổi do sai sót thông tin hoặc bổ sung thông tin trên GCNKD (số lượng, quy cách đóng gói, ngày khởi hành,...) thì chủ hàng phải có Công văn nêu rõ lý do hoặc cung cấp chứng từ xuất khẩu kèm theo có liên quan đến lô hàng để đơn vị kiểm dịch có cơ sở cấp GCNKD thay đổi thông tin. Lãnh đạo phòng/Trạm kiểm tra, xem xét và có ý kiến đề xuất việc cấp thay đổi và trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, phê duyệt GCNKD cấp đổi.

5.2.5. Phê duyệt của Lãnh đạo Chi cục

Căn cứ nội dung dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu, Lãnh đạo Chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền thực hiện việc phê duyệt:

- Nếu đồng ý với dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu thì Lãnh đạo Chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt.

- Nếu không đồng ý với dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu thì Lãnh đạo Chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền cho ý kiến.

5.2.6. Phát hành GCNKD hoặc quyết định xử lý lô hàng.

Đơn vị kiểm dịch động vật gửi GCNKD hoặc Quyết định xử lý lô hàng cho chủ hàng và lưu hồ sơ theo quy định (khi chủ hàng đã hoàn tất việc đóng phí, lệ phí kiểm dịch).

6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

- Bộ phận Một cửa chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo đơn vị về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định pháp luật; theo dõi, đôn đốc tiến độ xử lý hồ sơ và cảnh báo khi gần hết hạn.

- KDVDV được phân công tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch chịu trách nhiệm trước Trưởng bộ phận Một cửa về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định pháp luật.

- Phòng/ Trạm được phân công có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy Chứng nhận kiểm dịch do Phòng/ Trạm mình thực hiện, chịu trách nhiệm tính hợp lệ của hồ sơ kiểm dịch và nội dung chứng nhận kiểm dịch.

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NHẬP KHẨU	Mã số: V601-04
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 15/16

- KDVDV trực tiếp xử lý hồ sơ chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Phòng, Trạm về kết quả giải quyết hồ sơ; Giải trình về lý do chậm trễ đối với từng hồ sơ cụ thể.

- Lãnh đạo Phòng, Trạm chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Chi cục về tính hợp lệ của toàn bộ hồ sơ kiểm dịch; có trách nhiệm giải trình trước Lãnh đạo Chi cục về việc chậm, muộn trong giải quyết hồ sơ và các vi phạm (nếu có)..

- Đối với hồ sơ quá hạn theo thời gian hẹn dự kiến trả kết quả, trong thời gian không quá 01 ngày kể từ ngày hết hạn, KDVDV dự thảo văn bản thông báo gửi lên BPMC kèm theo văn bản xin lỗi và hẹn ngày dự kiến trả kết quả gửi tổ chức, cá nhân theo mẫu. Lãnh đạo đơn vị ký văn bản xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả gửi tổ chức, cá nhân theo quy định.

7. HỒ SƠ LƯU

Loại hồ sơ	Hình thức lưu	Trách nhiệm lưu	Thời gian lưu
1. Hồ sơ chủ hàng nộp: - Đơn khai báo kiểm dịch (mẫu 3, phụ lục V TT 01); - Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu; - Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch nhập khẩu của Cục Chăn nuôi và Thú y; - Những giấy tờ khác có liên quan (nếu có) 2. Hồ sơ đơn vị kiểm dịch quản lý lô hàng - Hồ sơ chủ hàng nộp; - Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (Mẫu 6 Phụ lục V TT 01) đối với lô hàng lấy mẫu kiểm dịch; - Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 7 phụ lục V TT 01) đối với lô hàng không lấy mẫu và có kiểm tra thực trạng hàng hóa;	Phương pháp lưu Bản cứng trong các cặp file	Cơ quan	02 năm



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
NHẬP KHẨU**

Mã số: V601-04

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 16/16

- Giấy chứng nhận vận chuyển động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch (Mẫu 14b) (nếu có);
- Phiếu yêu cầu xét nghiệm đối với lô hàng lấy mẫu kiểm dịch;
- Kết quả xét nghiệm đối với lô hàng lấy mẫu kiểm dịch;
- Giấy CNKD sản phẩm động vật nhập khẩu (mẫu 15b của TT01);
- Biên bản trả lại mẫu thừa (nếu có);
- Biên bản vi phạm hành chính (nếu có);
- Quyết định xử lý lô hàng (nếu có);
- Công văn phối hợp với các cơ quan hữu quan (nếu có);
- Các giấy tờ khác liên quan đến lô hàng (nếu có).



